TOÀ ÁN ND Q.SƠN TRÀ **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15.3.2023
V/v "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, TP ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thanh Thủy.**
Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Kim Ngân và ông Đoàn Văn Đức**
- *Thư ký phiên toà*: **Ông Lã Phú Huy** - Thư ký Toà án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng tham gia phiên toà:* **Bà Lê Thị Vân Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02.2.2023, quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HN ngày 24.2.2023 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn***:* Bà Trần Mỹ T, sinh năm 1982. Có mặt
* **Bị đơn***:* Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1975. Vắng mặt
Cùng trú tại: Số 02 PĐC, phường AHB, TP Đà Nẵng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn bà Trần Mỹ T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Huỳnh Văn H kết hôn vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Mân Thái. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống tại số 02 PĐC, phường AHB, TP Đà Nẵng, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.

Chúng tôi phát sinh mâu thuẫn từ tháng năm 2018 nguyên nhân là vợ chồng không còn hòa thuận, thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn tuy được hai gia đình hòa giải nhưng không có kết quả vì chồng tôi cờ bạc, đánh đập vợ. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh H.

- Về quan hệ con chung: Bà Trần Mỹ T xác định bà và ông Huỳnh Văn H có 02 con chung là Huỳnh Trần Hà M, sinh ngày 16.4.2016 và Huỳnh Trần Gia B, sinh ngày 03.12.2018. Ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: không có

-Về nợ chung: không có.

*** Bị đơn là ông Huỳnh Văn H** không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà:**

- Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn bà Trần Mỹ T kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án; bị đơn ông Huỳnh Văn H không chấp hành nghiêm pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

-Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân mâu thuẫn của bà Trần Mỹ T và ông Huỳnh Văn H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, 56 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Mỹ T.

Về con chung có 02 con chung là Huỳnh Trần Hà M, sinh ngày 16.4.2016 và Huỳnh Trần Gia B, sinh ngày 03.12.2018. Hiện nay 02 con chung còn nhỏ nên cần giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với Điều 81,Điều 82, Điều 83 Luật HN&GĐ.

-Về cấp dưỡng nuôi con bà T không yêu cầu nên không xét.

-Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn bà Trần Mỹ T và ông Huỳnh Văn H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tại phiên toà lần thứ nhất ngày 24.02.2023 và cũng như phiên toà hôm nay Toà án đã triệu tập, và đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà đối với bị đơn ông Huỳnh Văn H, nhưng ông Huỳnh Văn H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt ông Huỳnh Văn H.

[2].Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Mỹ T đối với ông Huỳnh Văn H thì thấy:

[2.1] ***Về quan hệ hôn nhân:*** Bà Trần Mỹ T và ông Huỳnh Văn H kết hôn vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Mân Thái. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện Sau khi kết hôn chung sống tại số 02 PĐC, phường AHB, TP Đà Nẵng, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.

Theo bà T trình bày vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẩn do ông H không chịu lo làm ăn, cờ bạc, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có những lần ông H còn đánh cả vợ con. Nay tình cảm vợ chống không còn nữa nên bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Văn H.

Theo xác minh tại UBND phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng thì cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông H mâu thuẩn như thế nào thì địa phương không rõ.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Huỳnh Văn H không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia tố tụng điều này thể hiện ông Huỳnh không có mong muốn đoàn tụ, bỏ mặc cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, thể hiện thái độ không tôn trọng pháp luật nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt này. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H đã không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà T yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật HNGĐ năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] ***Về quan hệ con chung:*** Bà Trần Mỹ T khai nhận bà và ông Huỳnh Văn H có 02 con chung là Huỳnh Trần Hà M, sinh ngày 16.4.2016 và Huỳnh Trần Gia B, sinh ngày 03.12.2018. Ly hôn bà T xin được nuôi hai con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX thấy việc giao con chung cho người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. HĐXX xét thấy, hai con chung còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ nên cần giao con chung cho bà T nuôi dưỡng chăm sóc là đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt của cháu và hoàn toàn phù hợp với Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay bà T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[2.3**]** ***Về tài sản chung:*** bà T xác nhận không có nên HĐXX không xem xét.

[2.4**]** ***Về nợ chung:*** bà T xác nhận không có nên HĐXX không xem xét.

Nếu sau này bà T và ông H có tranh chấp về vấn đề tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[2.4**]** ***Về án phí:*** Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí HNGĐ sơ thẩm là 300.000 đồng bà Trần Mỹ T phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 53, 54,56,58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Mỹ T đối với ông Huỳnh Văn H

Tuyên xử: bà Trần Mỹ T, sinh năm 1982, được ly hôn với ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1975.

Giấy chứng nhận kết hôn số 22 của UBND phường Mân Thái, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng cấp ngày 09.3.2015 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Tuyên giao 02 con chung là Huỳnh Trần Hà M, sinh ngày 16.4.2016 và Huỳnh Trần Gia B, sinh ngày 03.12.2018 cho bà Trần Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến tuổi trưởng thành.

Bà Trần Mỹ T không yêu cầu ông Huỳnh Văn H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

3. Về tài sản chung, về nợ chung: không xem xét giải quyết.

4. **Về án phí:** Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng bà Trần Mỹ T phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006591 ngày 07.12.2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng. Như vậy, bà T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát Sơn Trà;
- Chi cụcThi hành án Sơn Trà;
- UBND phường Mân Thái q. Sơn Trà, TPĐN;
- Sở Tư pháp
- Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Thủy